

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

LÊ THÀNH TRUNG

**VỀ VIỆC THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ
THEO HIỆP ĐỊNH TRIPS TRONG TƯƠNG QUAN SO SÁNH
VỚI PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

CHUYÊN NGÀNH : LUẬT QUỐC TẾ
MÃ SỐ : 50512

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - NĂM 2006

MỤC LỤC

	Trang
Chương 1 Một số vấn đề lý luận chung	
1.1. Lịch sử ra đời của Hiệp định TRIPS	5
1.1.2. Các nguyên tắc của Hiệp định	8
1.1.2.1. Nguyên tắc đối xử công dân	9
1.1.2.2. Nguyên tắc tối huệ quốc	10
1.2. Khái niệm và vai trò của thực thi quyền sở hữu trí tuệ	10
1.2.1. Khái niệm thực thi quyền sở hữu trí tuệ	10
1.2.1.1. Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ	10
1.2.1.2. Khái niệm chung về thực thi quyền sở hữu trí tuệ	13
1.2.1.3. Khái niệm thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định TRIPS	16
1.2.2. Vai trò của việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	20
1.2.2.1. Đối với lĩnh vực hợp tác và trao đổi quốc tế	22
1.2.2.2. Đối với hoạt động sáng tạo và cạnh tranh thương mại	23
1.2.2.3. Đối với lĩnh vực đầu tư, thương mại	24
1.2.2.4. Đối với việc bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng	25
1.2.2.5. Đối với việc duy trì trật tự công cộng	26
1.3. Về việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài	27
1.3.1. Liên minh Châu Âu	27
1.3.2. Hoa Kỳ	33
1.3.3. Kinh nghiệm cho Việt Nam	37

PHẦN MỞ ĐẦU

Chương 2 Nội dung cơ bản về việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định TRIPS và theo pháp luật Việt Nam

2.1.	Nguyên tắc chung về thực thi quyền sở hữu trí tuệ	39
2.2.	Các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ	42
2.2.1.	Biện pháp dân sự và chế tài dân sự	42
2.2.1.1.	Những yêu cầu chung của tố tụng dân sự	42
2.2.1.2.	Những biện pháp khẩn cấp tạm thời	48
2.2.1.3.	Biện pháp chế tài dân sự	53
2.2.2.	Biện pháp hình sự và chế tài hình sự	59
2.2.2.1.	Một số yêu cầu của thủ tục tố tụng hình sự	59
2.2.2.2.	Các chế tài hình sự	64
2.2.3.	Biện pháp hành chính và chế tài hành chính	68
2.2.3.1.	Các yêu cầu của thủ tục hành chính	68
2.2.3.2.	Các biện pháp xử lý vi phạm hành chính	70
2.2.4.	Biện pháp kiểm soát biên giới	73
2.2.4.1.	Các yêu cầu của thủ tục thực thi tại biên giới	73
2.2.4.2.	Biện pháp chế tài	78

Chương 3 Thực trạng thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam, các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực

3.1.	Thực trạng thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam	81
3.2.	Những thuận lợi, khó khăn cơ bản của Việt Nam trong quá trình thực thi quyền sở hữu trí tuệ	93
3.3.	Những đề xuất nhằm tăng cường, hoàn thiện hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam	100

Kết luận 106

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Tính cấp thiết của đề tài

Dưới góc độ lý luận để đánh giá sự việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định TRIPS (WTO) cần phải có cơ sở học thuật dựa trên những kết quả nghiên cứu về hiện trạng các quyền sở hữu trí tuệ ở nước ta hiện nay được thực thi như thế nào, đồng thời cần có sự đánh giá và nghiên cứu sự tương quan so sánh giữa những quy định của TRIPS và hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành. Nhờ những hiểu biết ngày càng phong phú hơn về các quy định cũng như sự tương quan đó mà người ta có những chính sách tương ứng hợp quy luật, giảm bớt những việc làm duy ý chí không phù hợp với quy luật, để mục đích cuối cùng là nâng cao hiệu quả của việc thực thi các quyền sở hữu trí tuệ hiện nay.

Ngày nay quyền sở hữu trí tuệ là nền tảng và động lực cho sự phát triển kinh tế cũng như đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Qua nghiên cứu và quan sát, tác giả thấy vấn đề bảo hộ sở hữu trí tuệ đã và đang được nhiều quốc gia quan tâm và đẩy mạnh công tác thực thi để phát triển nền kinh tế quốc dân hiện đại. Trong bối cảnh đó việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam đang là vấn đề hết sức phức tạp và nóng bỏng, thực trạng này đòi hỏi cần phải có nhiều bài viết, nhiều cuộc tranh luận hơn nữa để đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung các quy định pháp luật nhằm mục đích thiết lập được một cơ chế, một hành lang pháp lý thuận lợi đảm bảo thực thi quyền sở hữu trí tuệ có hiệu quả. Chính điều này khiến tác giả quyết định lựa chọn đề tài "*Về việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định TRIPS trong tương quan so sánh với pháp luật Việt Nam*" để làm luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Thực thi quyền SHTT là một đề tài có tính thời sự trong giai đoạn hiện nay, được sự nghiên cứu của nhiều giới, nhiều

ngành. Trong đó có thể kể đến một số công trình khoa học quan trọng như: Đề tài nghiên cứu khoa học của Đại học Quốc gia Hà Nội *“Về cơ chế thực thi pháp luật Việt Nam bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế”*; Đề án khoa học *“Tăng cường hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ”*; do Bộ Khoa học - Công nghệ và Bộ Văn hoá - Thông tin phối hợp thực hiện; Công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ của Viện Khoa học Xét xử - Tòa án Nhân dân Tối cao, năm 1999 về *“Nâng cao vai trò và năng lực của Tòa án trong việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”*; Hội thảo khoa học *“Cơ chế thực thi pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam”* do PGS.TS Nguyễn Bá Điển chủ trì đề tài và hội thảo, tháng 4/2005. Trong phạm vi quốc tế cũng có rất nhiều công trình khoa học về vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ được thể hiện dưới dạng các bài viết, tạp chí, sách báo; có thể đề cập tới một số công trình như: Danie Gervais: *“The TRIPS Agreement Drafting History and Analysis”* - Second edition, Sweet & Maxwell, 2003, London; Jayashree Watal: *“Intellectual property rights of the WTO and developing countries”*, 1998 - Kluwer Law International, ... Ngoài ra còn có nhiều đề tài luận văn của các học viên cao học liên quan tới một số lĩnh vực về sở hữu trí tuệ như nhãn hiệu hàng hoá, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, ... Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học về sở hữu trí tuệ, nhưng tác giả vẫn mong muốn được tiếp tục nghiên cứu và góp phần làm sáng tỏ vấn đề: *“Về việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định TRIPS trong tương quan so sánh với pháp luật Việt Nam”*.

3. Mục đích và phạm vi nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc thực thi hiệp định TRIPS (WTO) với cách tiếp cận ở các khía cạnh khác nhau liên quan

đến quyền sở hữu trí tuệ và đánh giá trong sự tương quan với hệ thống pháp luật Việt Nam, nhưng chủ yếu dưới góc độ pháp lý nhằm tăng cường hiệu quả thực thi theo Hiệp định TRIPS.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài chỉ nghiên cứu giới hạn trong phạm vi thực thi và đánh giá sự tương quan về các quyền sở hữu trí tuệ.

Để đạt được những mục tiêu nêu trên, tác giả tập trung làm rõ được những vấn đề cơ bản sau:

- Cơ sở lý luận của Hiệp định TRIPS (WTO);
- Nghiên cứu, xác định được những đặc trưng cơ bản của quyền sở hữu trí tuệ;
- Đánh giá thực trạng công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở nước ta hiện nay;
- Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Luận văn được tác giả nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương chính sách của Đảng, các quy định của Nhà nước. Ngoài ra tác giả còn sử dụng các phương pháp khác như tổng hợp, phân tích, so sánh, quy nạp, diễn dịch một số quyền sở hữu trí tuệ.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, kết cấu Luận văn gồm có 3 chương:

- Chương 1. Một số vấn đề lý luận chung.**
- Chương 2. Nội dung cơ bản về việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định TRIPS và theo pháp luật Việt Nam.**
- Chương 3. Thực trạng thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam, các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực thi.**

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

1.1. Lịch sử ra đời của Hiệp định TRIPS

1.1.1. Lịch sử ra đời của Hiệp định

Hiệp định TRIPS là hiệp định quan trọng của WTO về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) [38]. Hiệp định TRIPS là kết quả của 7 năm thương lượng đàm phán (từ 7/1986 đến 11/1993), là một phần của vòng đàm phán Uruguay về thương lượng thương mại đa phương của Tổ chức GATT. Cuộc thương lượng này được bắt đầu khởi xướng tại Punta del, Uruguay và đi đến kết thúc vào tháng tư năm 1994 tại Marrakesh, Morocco cùng với sự thoả thuận về các vấn đề khác của vòng đàm phán Uruguay. Hiệp định TRIPS có hiệu lực vào ngày đầu tiên của năm 1995, cùng với sự hình thành của tổ chức thương mại thế giới (WTO) [42].

Tiến trình thương lượng để tạo nên TRIPS kéo dài từ tháng 4 năm 1989 đến tháng 11 năm 1990, đặc biệt trong những tháng cuối của năm 1990. Các nước đang phát triển đã chấp nhận bao gồm những khái niệm và tiêu chuẩn về quyền SHTT trong cuộc thương lượng, bỏ qua vấn đề những nội dung đó thuộc GATT hay WTO và việc liên quan đến việc trả đũa chéo trong thương mại hàng hoá.

Nhìn lại chặng đường của cuộc thương thảo đã qua có thể thấy các nước đang phát triển dành nhiều sự quan tâm lo lắng của mình cho khía cạnh về biện pháp trả đũa hơn là về các khái niệm hay các tiêu chuẩn của quyền SHTT. Tuy không có cơ chế cho vị trí tương đồng của các nước đang phát triển trong GATT, không giống như trong UNCTAD hoặc WIPO nhưng sự sắp xếp không chính thức vẫn có thể mang lại cho những nước này những lợi ích tương tự. Ấn Độ là nước đang phát triển đầu tiên giữ quan điểm độc lập với những vấn đề cơ bản được đưa ra bởi các nước phát triển. Mặc dù không thống nhất về nội dung

TRIPS đã được đưa ra vào 4/1989, Ấn Độ vẫn cam kết rằng trong cuộc đàm phán về các vấn đề cơ bản của quyền SHTT thì chỉ có vấn đề hạn chế và chống cạnh tranh không lành mạnh thuộc SHTT là có thể được xem là “các khía cạnh thương mại có liên quan”. Các bước đàm phán được thúc đẩy nhanh chóng vào tháng 3 năm 1990 khi cộng đồng Châu Âu đưa ra một bản dự thảo về các nội dung của TRIPS với ngôn ngữ thoả ước về các tiêu chuẩn, nguyên tắc và cơ chế thực thi đối với các quyền SHTT được dựa theo các văn bản trước đây của Mỹ, Nhật Bản và Niuzilân.

Nội dung cơ bản của TRIPS đã được chính thức thừa nhận tại Marrakesh, Morocco vào tháng 4 năm 1994. Tại điều 12 hiệp định Marrakesh về thành lập Tổ chức thương mại thế giới ngày 15 tháng 4 năm 1994, các quốc gia, các lãnh thổ độc lập có thể trở thành thành viên của WTO nếu chấp nhận Hiệp định trên và các Hiệp định thương mại đa phương khác được đính kèm theo Hiệp định Marrakesh tại phụ lục 1,2,3 với 2/3 phiếu thuận của các nước thành viên WTO đồng ý kết nạp (thành viên sáng lập của WTO bao gồm các nước thành viên GATT 1947 ở thời điểm Hiệp định Marrakesh có hiệu lực và Cộng đồng Châu Âu bao gồm tất cả các nước chấp nhận Hiệp định Marrakesh và các Hiệp định đa phương khác). Trong số các phụ lục, 1c là phụ lục đính kèm theo Hiệp định Marrakesh với tên gọi là Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền SHTT (Hiệp định TRIPS).

1.1.2. Các nguyên tắc của Hiệp định

Các nguyên tắc trong Hiệp định TRIPS có vai trò vô cùng quan trọng, nó là những tư tưởng mang tính chỉ đạo có tính định hướng cho việc thực thi, bao gồm:

1.1.2.1. Nguyên tắc đối xử công dân

1.1.2.2. Nguyên tắc tối huệ quốc

1.2. Khái niệm và vai trò của thực thi quyền sở hữu trí tuệ

1.2.1. Khái niệm thực thi quyền sở hữu trí tuệ

1.2.1.1. Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ

Hiện nay có khá nhiều quan điểm về quyền sở hữu trí tuệ. Có học giả cho rằng, quyền SHTT bao gồm các đối tượng như sáng chế, quyền tác giả, bí mật thương mại, tên thương mại, việc bồi nhọ uy tín trong thương mại và tập hợp các quyền khác. Quan điểm khác lại cho rằng, không có một khái niệm chung đơn nhất có thể bao quát được tất cả các tài sản trí tuệ.

Từ việc nghiên cứu, tiếp cận về sự khác biệt trong các định nghĩa về quyền SHTT, chúng ta có thể thấy rằng khái niệm quyền SHTT mang tính quốc tế và được sử dụng theo nghĩa rộng. Theo Điều 4, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 thì: *“Quyền sở hữu trí tuệ là quyền hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng”*.

1.2.1.2. Khái niệm chung về thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Trong hệ thống các văn bản pháp luật của Việt Nam nói riêng và của quốc tế nói chung hiện chưa có một định nghĩa cụ thể nào về thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Một vấn đề cần được làm sáng tỏ, đó là thực thi quyền sở hữu trí tuệ là gì, hay thực thi QSHTT bao gồm những nội dung cụ thể nào?

Thực thi có nghĩa là thực hiện, thi hành [20]. Trong Hiệp định TRIPS thì thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo nguyên bản tiếng Anh là *“enforcement of intellectuall propertyrights”*, theo đó, *“enforcement”* có nghĩa là buộc mọi người phải tuân theo một luật lệ để làm cho chúng có hiệu lực, là sự thi hành nghiêm ngặt một luật lệ mới [21]. Như vậy thực thi quyền SHTT được hiểu là *hoạt động thực hiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, làm cho các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ trở thành hiện thực*. Tuy nhiên, so với khái niệm “Thực hiện pháp luật về SHTT” và “Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ” thì khái niệm “Thực thi quyền SHTT” có phạm vi hẹp hơn.

Tóm lại, thực thi quyền SHTT được hiểu là việc áp dụng các quy định về quyền SHTT vào thực tiễn, bao gồm hoạt động xác lập quyền đối với các đối tượng được bảo hộ, hoạt động khai thác các giá trị liên quan đến khía cạnh thương mại của quyền SHTT, hoạt động giải quyết tranh chấp, khiếu kiện, ngăn ngừa các hành vi xâm phạm quyền SHTT và hoạt động điều chỉnh những quan hệ liên quan đến việc làm thoả mãn những lợi ích của người thứ ba cũng như toàn xã hội đối với việc sử dụng các đối tượng được bảo hộ.

1.2.1.3. Khái niệm thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định TRIPS

Hiệp định TRIPS không đưa ra một khái niệm cụ thể nào về *“thực thi quyền SHTT”* mà chỉ đưa ra các yêu cầu về thực thi quyền SHTT. Căn cứ vào Phần thứ III của Hiệp định thì có thể thấy vấn đề thực thi quyền SHTT được đặt ra như một nhiệm vụ bắt buộc cho các cơ quan chức năng để đạt được các mục đích như xử lý nghiêm khắc các hành vi xâm phạm quyền SHTT; ngăn chặn các hành vi xâm phạm tiếp theo để tạo ra một môi trường lành mạnh về SHTT; không được tạo ra rào cản đối với các hành vi thương mại hợp pháp.

Luật Sở hữu trí tuệ 2005, tại Phần thứ năm cũng không giải thích rõ khái niệm *“thực thi quyền sở hữu trí tuệ”* mà chỉ quy định vấn đề bảo vệ quyền SHTT, với mục đích là tăng cường hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu về *“thực thi quyền sở hữu trí tuệ”* theo Hiệp định TRIPS và Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA).

Từ kết quả nghiên cứu, có thể hiểu: *Thực thi quyền SHTT bao gồm các hình thức thủ tục và các chế tài pháp lý do pháp luật quy định, những hình thức, thủ tục và các hình thức chế tài này nhằm trợ giúp cho chủ sở hữu không chỉ đạt được quyền của họ từ các cơ quan chức năng mà còn đạt được các quyền*

của mình thông qua việc ngăn chặn các hành vi vi phạm các quyền lợi của họ từ những người khác, chủ yếu từ các đối thủ cạnh tranh. Trong thực tế, vấn đề thực thi quyền SHTT được tiếp cận và giải quyết chủ yếu là việc ngăn chặn và xử lý các hành vi bị coi là xâm phạm quyền SHTT. Theo cách hiểu này, nội dung tổng quát của hệ thống thực thi quyền SHTT bao gồm các yếu tố chính như sau: a) các biện pháp chế tài có thể được áp dụng để xử lý các hành vi xâm phạm quyền; b) các trình tự, thủ tục tiến hành các biện pháp chế tài; c) các cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp chế tài; và d) các cơ chế bảo đảm sự công bằng khi xử lý các hành vi xâm phạm quyền. Các thủ tục nhằm thực thi quyền SHTT bao gồm: i) thủ tục dân sự (tiến hành vụ kiện dân sự); ii) thủ tục hành chính (xử phạt hành chính, khiếu kiện hành chính); iii) thủ tục hình sự (xét xử tội phạm về SHTT).

1.2.2. Vai trò của việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2001-2010, Đảng ta đặt ra các nhiệm vụ có tính then chốt như hoàn thiện hệ thống pháp luật; bảo đảm hình thành vững chắc thị trường vốn; thị trường SHTT và các loại thị trường khác của nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Chiến lược nhấn mạnh việc thực hiện bảo hộ thích đáng về SHTT, coi sức lao động trí tuệ là một loại hàng hoá đặc biệt trong nền kinh tế thị trường cần phải được trả giá tương xứng. Tính đến thời điểm này, Việt Nam đã bảo hộ gần như tất cả các đối tượng SHTT mà Hiệp định TRIPS yêu cầu. Tuy nhiên, thực tế hiệu quả thực thi quyền SHTT vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập sau:

Một là, Các quy định về thực thi quyền SHTT ở Việt Nam thể hiện sự thiếu nhất quán, không đồng bộ, chồng chéo dẫn

đến tình trạng khó áp dụng trong thực tiễn, thậm chí bỏ sót hành vi vi phạm, xâm phạm và thiếu biện pháp xử lý hữu hiệu.

Hai là, Trình độ hiểu biết, chuyên môn nghiệp vụ cũng như kinh nghiệm của các cán bộ trong các cơ quan thực thi chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi quyền SHTT

Ba là, Trình độ nhận thức của đại bộ phận dân chúng về SHTT và thực thi quyền SHTT còn ở mức độ sơ khai, thậm chí một số doanh nghiệp là chủ thể quyền SHTT còn rất mơ hồ về quyền, nghĩa vụ của mình khi đưa các đối tượng SHTT vào khai thác trong môi trường kinh tế đầy cạnh tranh quyết liệt. ...

Những nguyên nhân cơ bản trên dẫn đến nguy cơ cho việc xâm phạm quyền SHTT diễn ra ngày càng phổ biến và phức tạp. Có thể nói mục tiêu lớn nhất của hệ thống pháp luật SHTT Việt Nam là vận hành có hiệu quả cơ chế thực thi quyền SHTT. Bởi vì vấn đề này có vai trò vô cùng to lớn, nó góp phần tạo vị thế vững chắc cho Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể là:

1.2.2.1. Hợp tác và trao đổi quốc tế

1.2.2.2. Hoạt động sáng tạo và cạnh tranh thương mại

1.2.2.3. Lĩnh vực đầu tư, thương mại

1.2.2.4. Bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng

1.2.2.5. Đối với việc duy trì trật tự công cộng

1.3. Về việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài

1.3.1. Liên minh Châu Âu

1.3.2. Hoa Kỳ

1.3.3. Kinh nghiệm cho Việt Nam

Chương 2

NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ VIỆC THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO HIỆP ĐỊNH TRIPS VÀ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2.1. Nguyên tắc chung về thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Quyền SHTT được pháp luật bảo hộ nhưng nếu thiếu các nguyên tắc và phương thức thực thi thì quyền đó chỉ có danh nghĩa trên phương diện lý thuyết. Do đó xây dựng, áp dụng cụ thể và minh bạch các nguyên tắc cơ bản thực thi quyền SHTT là một yêu cầu cấp bách. Thực thi có hiệu quả và nghiêm khắc đối với mọi hành vi xâm phạm quyền SHTT được xác định là một vấn đề hết sức quan trọng trong việc thực hiện các nguyên tắc theo Hiệp định TRIPS. Thực tế hầu hết các nước thành viên của Hiệp định TRIPS đều phải đảm bảo rằng, hệ thống pháp luật quy định về thủ tục và cơ chế hữu hiệu thực thi quyền SHTT phải chặt chẽ và phù hợp với các điều kiện của quốc gia và luật pháp quốc tế, bao gồm các giải pháp để ngăn chặn các hành vi vi phạm cũng như các giải pháp có thể ngăn chặn các hành vi vi phạm tiếp theo. Sự cần phải thiết lập nguyên tắc mang tính quốc tế về thực thi quyền sở hữu trí tuệ được nảy sinh từ thực tiễn là không chỉ có Công ước Pari (bảo hộ sở hữu công nghiệp) mà cả Công ước Berne (bảo hộ quyền tác giả) đều có nội dung mang tính nguyên tắc liên quan đến thực thi các tiêu chuẩn được bảo đảm.

Thực hiện những nguyên tắc thực thi quyền sở hữu trí tuệ nhằm đạt được những mục tiêu quan trọng: *Một là*, bảo đảm rằng phải có các biện pháp thực thi hiệu quả cho các chủ thể quyền; *Hai là*, bảo đảm rằng các thủ tục thực thi được áp dụng theo cách thức tránh tạo ra các rào cản thương mại hợp pháp và bảo đảm chống sự lạm dụng các biện pháp đó.

2.2. Các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ

2.2.1. Biện pháp dân sự và chế tài dân sự

2.2.1.1. Những yêu cầu chung của thủ tục tố tụng dân sự

Điều 42, Hiệp định TRIPS quy định rằng, các thành viên phải thiết lập cho chủ sở hữu quyền những thủ tục tố tụng dân

sự (TTDS) liên quan đến việc thực thi bất kỳ quyền SHTT nào được đề cập trong Hiệp định TRIPS này. Các thủ tục này phải đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu sau:

- . *Về sự công bằng và bình đẳng*. Điều 42, TRIPS đã xác định các yếu tố tạo nên thủ tục tố tụng công bằng, bình đẳng và được dành cho cả hai bên trong tranh chấp dân sự.

- . *Về chứng cứ*.

- . *Bảo vệ thông tin bí mật*.

- . *Quyền yêu cầu cung cấp thông tin*

2.2.1.2. Những biện pháp khẩn cấp tạm thời

Điều 44 “*Lệnh của toà án*”, Hiệp định TRIPS, yêu cầu các nước thành viên quy định cơ quan xét xử của nước họ có quyền ra lệnh một bên trong vụ kiện chấm dứt sự xâm phạm và để ngăn chặn việc đa vào các kênh thương mại những hàng hoá nhập khẩu có vi phạm quyền SHTT. Điều 50 của TRIPS quy định về biện pháp tạm thời mà các thành viên của WTO phải quy định sẵn có trong pháp luật của nước mình.

Các lệnh khẩn cấp tạm thời bao gồm Lệnh đình chỉ; Lệnh Anton Piller; Lệnh Merave

Theo quy định của pháp luật TTDS Việt Nam, căn cứ vào nội dung cũng như tính chất của từng vụ việc vi phạm quyền SHTT, Toà án Việt Nam có thể ra quyết định áp dụng một số biện pháp khẩn cấp tạm thời như:

- . Kê biên tài sản đang tranh chấp, cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp;

- . Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp ;

- . Phong toả tài sản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; phong toả tài sản tại nơi gửi giữ;

- . Các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác mà pháp luật có quy định.

Đồng thời với việc áp dụng các biện pháp nói trên, Toà án yêu cầu nguyên đơn phải gửi một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá do Toà án ấn định để bảo vệ lợi ích của người bị áp dụng lệnh khẩn cấp tạm thời và để ngăn ngừa sự lạm dụng quyền này (*Điều 120, BLTTDS*).

2.2.1.3. Biện pháp chế tài dân sự

. Yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm

Điều 44, Hiệp định TRIPS yêu cầu các nước thành viên quy định cho Tòa án của nước mình quyền được đưa ra một lệnh để ngăn chặn những hàng hoá nhập khẩu vi phạm quyền SHTT vào các kênh thương mại. Khi tài sản trí tuệ của mình bị người khác sử dụng một cách bất hợp pháp, chủ thể quyền có quyền gửi đơn kiện đến Tòa án để yêu cầu ngăn chặn hoặc chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền của mình theo quy định tại Điều 265, điểm c khoản 1 Điều 796, BLDS. Theo đó, Tòa án có thẩm quyền buộc người có hành vi xâm phạm quyền SHTT phải chấm dứt hành vi xâm phạm đó, các sản phẩm được sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường có vi phạm quyền SHTT đều bị tịch thu và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

. Yêu cầu bồi thường thiệt hại

Thực tế là TRIPS đã không quy định nhiều chi tiết về mức bồi thường có thể phải trả cho chủ thể quyền, bởi các nguyên tắc xác định mức bồi thường thường phản ánh sự đa dạng của các hệ thống pháp luật khác nhau cũng như lịch sử tiền lệ và truyền thống khác nhau của các nước thành viên. Theo quy định của pháp luật Việt Nam khi quyền SHTT bị xâm phạm thì chủ thể quyền được kiện tới Tòa án yêu cầu bên vi phạm phải bồi thường toàn bộ những thiệt hại xảy ra cho mình. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại được đặt ra khi hành vi vi phạm quyền SHTT thoả mãn đồng thời bốn điều kiện sau: Có thiệt hại xảy ra; có hành vi trái pháp luật; có lỗi; có mối liên hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra.

2.2.2. Biện pháp hình sự và chế tài hình sự

2.2.2.1. Một số yêu cầu của thủ tục tố tụng hình sự

Một điều hết sức quan trọng phải nhận thấy là TRIPS quy định về những chế tài hình sự chỉ hạn chế đối với những hành vi vi phạm về làm hàng giả, vi phạm quyền tác giả và quyền liên quan và không mở rộng đến các quyền SHTT khác. Trong trường hợp làm giả hoặc ăn cắp bản quyền thì phải có các thủ

tục bổ sung và biện pháp chế tài, kể cả các biện pháp tại biên giới và các chế tài hình sự. Giả mạo nhãn hiệu hàng hoá và ăn cắp bản quyền tác phẩm của người khác là hai loại quyền SHTT phổ biến được đề cập trong chú thích số 14 tại Điều 51 của TRIPS.

Có thể nhận thấy rằng khái niệm hàng giả của Việt Nam quá rộng so với khái niệm hàng giả được định nghĩa trong Hiệp định TRIPS. Việc thực thi quyền SHTT theo thủ tục hình sự phải được tiến hành bởi Chính phủ nhằm chống lại những hành vi cố ý làm giả mạo nhãn hiệu và sao chép bản quyền "*với quy mô thương mại*".

2.2.2.2. Các chế tài hình sự

. Hình phạt tù và/hoặc phạt tiền

Điều 61, Hiệp định TRIPS đã quy định về trình tự TTHTS, bao gồm phạt tù và/hoặc phạt tiền để nhằm ngăn chặn một cách hiệu quả các hành vi vi phạm. Điều gì có thể chắc chắn ở đây rằng mức độ của hình phạt phải phản ánh tính chất nghiêm trọng của tội phạm trong sự so sánh với hình phạt của các tội phạm khác dưới pháp luật quốc gia của các nước thành viên?

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 quy định: Cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự (Điều 215). Các tội phạm về SHTT được quy định tại Điều 131, Điều 170, Điều 171.

Các cơ quan tư pháp cũng nên có quyền trong các vụ việc thích hợp, yêu cầu bắt giữ, tịch thu và phá huỷ cả hàng hoá và các phương tiện dụng cụ được sử dụng để sản xuất ra các hàng hoá vi phạm. Việc đơn giản bắt giữ hàng hoá vi phạm và để chúng được thu gom trong các bãi chứa rác thì không đủ hiệu quả ngăn chặn. Không thể đánh giá thấp tầm quan trọng của việc bắt giữ, tịch thu và tiêu huỷ "*công cụ và phương tiện mà chúng chủ yếu được dùng để tạo ra hàng hoá vi phạm*" trong trận chiến chống hàng giả và sao chép bản quyền.

2.2.3. Biện pháp hành chính và chế tài hành chính

2.2.3.1. Các yêu cầu của thủ tục hành chính

Về cơ bản, thực thi quyền SHTT được xem xét như vấn đề của lĩnh vực tư hơn là vấn đề thuộc lĩnh vực công. Điều này dường như là lý do để TRIPS đặt tới sự quan trọng nhiều hơn đối với các biện pháp dân sự hơn là các biện pháp hành chính. Do đó các thủ tục và chế tài hành chính được quy định tại điều 49 của TRIPS như là sự thêm vào của thủ tục dân sự. *"Trong phạm vi mà một chế tài dân sự nào đó có thể được đưa ra như là kết quả của thủ tục hành chính giải quyết một vụ việc thì các thủ tục đó phải tuân theo các nguyên tắc về cơ bản tương đương với các nguyên tắc quy định trong Mục này"*.

2.2.3.2. Các biện pháp xử lý vi phạm hành chính:

Điều 217, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (có hiệu lực từ 01/07/2006) quy định cụ thể về các hình thức xử phạt hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả. Các biện pháp xử lý vi phạm hành chính bao gồm:

a, Cảnh cáo

b, Phạt tiền

Tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau: a) *Tịch thu hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ, phương tiện, tang vật, nguyên liệu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ;* b) *Đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đã xảy ra xâm phạm.* Ngoài các hình thức xử phạt quy định như trên, cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả như buộc tiêu huỷ hoặc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ mà không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ,...Mức tiền phạt quy định trong hình thức phạt tiền được ấn định ít nhất bằng giá trị hàng hoá vi phạm đã phát hiện được và nhiều nhất không vượt quá 5 lần giá trị hàng hoá vi phạm phát hiện được.

2.2.3.3. Các biện pháp chế tài khác

Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT bao gồm: a) Tạm giữ người theo thủ tục hành chính; b) Tạm giữ hàng hoá, tang vật, phương tiện vi phạm; c) Khám người theo thủ tục hành chính; d) Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính; khám nơi cất giấu hàng hoá, tang vật, phương tiện vi phạm về SHTT; đ) Các biện pháp ngăn chặn hành chính khác theo quy định của pháp luật (Điều 218 Luật Sở hữu trí tuệ 2005).

2.2.4. Biện pháp kiểm soát biên giới

2.2.4.1. Các yêu cầu của thủ tục thực thi tại biên giới

Lĩnh vực thứ tư trong Phần III của TRIPS và đặc biệt từ Điều 51 đến Điều 60, quy định những yêu cầu đặc biệt liên quan đến biện pháp biên giới. Để cho hành vi vi phạm quyền SHTT có thể bị dừng ngay tại nguồn, thì biện pháp biên giới đặc biệt hữu ích nhất là khi những hàng hoá vi phạm có nguồn gốc từ phạm vi thẩm quyền khác bên ngoài TRIPS (như những nước không phải là thành viên của WTO hoặc đang trong giai đoạn chuyển giao) hoặc từ những nước mặc dù là thành viên của WTO nhưng có cơ chế thực thi quyền SHTT rất yếu.

Theo nội dung của Hiệp định TRIPS, không yêu cầu các biện pháp đặc biệt tại biên giới được áp dụng cho các loại quyền SHTT khác ngoài nhãn mác và bản quyền. Đó là lý do tại sao TRIPS đặt ra nghĩa vụ tối thiểu trong biện pháp biên giới chỉ đối với những hàng hoá bị coi là vi phạm về nhãn mác và bản quyền. Biện pháp biên giới trong TRIPS chỉ được áp dụng đối với việc nhập khẩu những hàng hoá được coi là có hành vi vi phạm SHTT và không áp dụng đối với việc xuất khẩu những hàng hoá như vậy. Đối với Việt Nam, biện pháp biên giới được áp dụng đối với cả xuất khẩu. Điều 57 của Luật Hải quan xác định rằng những quy định này áp dụng đối với những quyền SHTT mà chúng liên quan đến việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng

hoá, và được bảo vệ bởi luật và những quy định hành chính của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.2.4.2. Biện pháp chế tài

. *Đình chỉ việc thông quan đối với hàng hoá*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định 101/2001/NĐ - CP ngày 31 tháng 12 năm 2001, khi người yêu cầu tạm dừng đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đề nghị tạm dừng thì Chi cục trưởng Hải quan quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng.

. *Các biện pháp chế tài khác*

Điều 59 TRIPS yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền như Hải quan hoặc Tòa án được quyền loại bỏ hoặc phá hủy những hàng hoá vi phạm, do vậy chúng sẽ không được đưa vào lưu thông trong các kênh thương mại.

Các quy định của pháp luật Việt Nam về áp dụng ngoại lệ đối với hàng hoá quá cảnh hay hàng hoá nhập khẩu với số lượng nhỏ trong hành lý cá nhân trong các thủ tục hải quan còn thể hiện nhiều điểm bất cập. Theo Thông tư liên tịch số 58/2003/TTLT - BVHTT - BTC ngày 17/10/2003 của Bộ Văn hoá - Thông tin và Bộ Tài chính thì: *"hàng hoá quá cảnh, hàng hoá tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập có thời hạn để trưng bày, triển lãm, giới thiệu sản phẩm hoặc để người tiêu dùng phân biệt nhận biết hàng vi phạm quyền tác giả, hàng hoá là quà biếu, quà tặng trong tiêu chuẩn được miễn thuế, hành lý cá nhân theo quy định không thuộc phạm vi hàng hoá được yêu cầu bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan Hải quan"*. Căn cứ theo quy định tại Điều 14 Nghị định 101/NĐ - CP/2001 của Chính phủ, chủ thể yêu cầu cùng với việc nộp đơn yêu cầu thì phải nộp một khoản tiền tạm ứng hoặc chứng từ bảo lãnh bằng 20% giá trị lô hàng ghi trong hợp đồng để đảm bảo việc bồi thường thiệt hại và các chi phí phát sinh do đề nghị tạm dừng thủ tục hải quan không đúng gây ra.

Chương 3

THỰC TRẠNG THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM, CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA VIỆC THỰC THI

3.1. Thực trạng thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam

Với những nỗ lực to lớn trong việc thực hiện Chương trình hành động về SHTT, tới nay có thể nói rằng về cơ bản các mục tiêu quan trọng nhất đã đạt được làm cho hệ thống pháp luật về SHTT của Việt Nam có những bước tiến vượt bậc. Việc ban hành BLDS, BLTTDS, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn bao gồm các quy phạm pháp luật căn bản đạt được tiêu chuẩn về “tính đầy đủ” như quy định của các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, so với mục tiêu bảo vệ và thúc đẩy các hoạt động đầu tư, sáng tạo, tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh và so với yêu cầu của hội nhập kinh tế thì hiệu quả của cơ chế bảo hộ SHTT ở Việt Nam còn thấp. Cụ thể được xác định trên những điểm sau:

Một là, Tình hình việc vi phạm pháp luật về SHTT và xâm phạm tài sản trí tuệ có những biểu hiện đáng lo ngại. Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc áp dụng các biện pháp chế tài nhằm bảo vệ các quyền SHTT chống lại các hành vi xâm phạm và đã thu được một số kết quả nhất định, nhưng nhìn chung hiệu quả bảo đảm thực thi vẫn rất khiêm tốn.

Hai là, Vi phạm, xâm phạm sở hữu trí tuệ đang có dấu hiệu trở thành phổ biến. Hầu như mọi chủng loại sản phẩm hàng hoá đều có hàng nhái, hàng có chứa yếu tố vi phạm sở hữu công nghiệp.

Ba là, Mức độ nghiêm trọng và phức tạp của tình hình xâm phạm sở hữu trí tuệ đang có dấu hiệu gia tăng.

Những nguyên nhân của tình trạng trên gồm:

Một là, cơ chế bảo đảm thực thi chưa được hoàn thiện và chưa phát huy đúng mức. Vai trò chủ đạo của biện pháp chế tài dân sự chưa được phát huy đúng mức mà chỉ mới thực hiện biện

pháp hành chính quá mức cần thiết khiến cho cơ chế thực thi chưa phát huy hết tác dụng. Các quy định về thực thi quyền SHTT mới chỉ dừng tại mang tính nguyên tắc, không cụ thể và minh bạch, nhất là đối với những lĩnh vực mang tính quan trọng và đặc thù, nhạy cảm. Việc coi mọi hàng hóa mang nhãn hiệu hàng hoá hoặc kiểu dáng công nghiệp xâm phạm nhãn hiệu hàng hoá/kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ bất kể việc xâm phạm có phải là cố ý, có động cơ giả mạo hay chỉ là xung đột có tính chất dân sự thông thường - đều là hàng giả là định nghĩa quá rộng và không hợp lý.

Hai là, cách tổ chức bảo đảm thực thi chưa thực sự phù hợp, việc phân công cho nhiều cơ quan tạo thành nhiều tầng, nấc xử phạt khiến cho hiệu lực thực thi bị phân tán và trở nên phức tạp. Năng lực chuyên môn của cán bộ thực thi chưa đáp ứng với đòi hỏi của thực tiễn, tình trạng lệ thuộc vào các cơ quan quản lý SHTT khiến cho việc bảo đảm thực thi bị chậm trễ, bị động đồng thời đẩy cơ quan quản lý SHTT vào trạng thái quá tải.

Ba là, sự hiểu biết đối với vấn đề bảo hộ SHTT còn hạn chế, chưa hình thành tập quán tôn trọng quyền SHTT, các chủ sở hữu chưa chủ động thực hiện bảo vệ quyền và tài sản của mình mà vẫn mang nặng tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

Bốn là, hệ thống thông tin về SHTT hoạt động chưa có hiệu quả, hệ thống này hoạt động chủ yếu theo chế độ Off – line khiến cho việc cung cấp thông tin diễn ra rất chậm chạp, không kịp thời. Rất nhiều doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoạt động trong tình trạng thiếu thông tin về sở hữu trí tuệ.

Năm là, ảnh hưởng của các mặt trái của quá trình hội nhập kinh tế dẫn đến một thực tế là, không phải mọi loại hàng nhái, hàng xâm phạm SHTT đều được sản xuất tại Việt Nam mà còn có một khối lượng lớn - thậm chí đa số hàng hoá xâm phạm SHTT được sản xuất ở nước ngoài và được đưa vào Việt Nam theo nhiều con đường, bằng nhiều cách khác nhau: chính ngạch, tiểu ngạch và nhập lậu.

3.2. Những thuận lợi, khó khăn cơ bản của Việt Nam trong quá trình thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Về cơ bản pháp luật Việt Nam đã có các quy định khá cụ thể và tương đối phù hợp với các yêu cầu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong TRIPS và BTA, bao gồm quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp. Trong đó các văn bản quy phạm pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp đã quy định đầy đủ các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp, thủ tục đăng ký, quyền của chủ sở hữu, hành vi vi phạm và việc bảo hộ thông qua hệ thống chế tài dân sự, hành chính, hình sự.

Về Bộ máy thực thi quyền SHTT đã cơ bản được hình thành như hệ thống quản lý hành chính, hệ thống tư pháp đến tổ chức phi chính phủ, tổ chức tư nhân. Sự hợp tác giữa các cơ quan trong cơ chế phối hợp giữa cơ quan nhà nước và các tổ chức phi chính phủ đã góp phần tích cực trong hoạt động xây dựng cơ chế pháp luật và chính sách bảo hộ quyền SHTT [30, trang 15].

Mặc dù có một số lượng lớn các quy định pháp luật điều chỉnh quyền SHTT đang có hiệu lực tại Việt Nam, nhưng sẽ là sai lầm nếu kết luận rằng giai đoạn xây dựng pháp luật đã hoàn thiện và các văn bản pháp luật hiện hành đã hoàn toàn phù hợp với Hiệp định TRIPS và BTA. Chính vì vậy, để nâng hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ, Việt Nam phải đối mặt với những khó khăn và thử thách thể hiện cơ bản ở một số điểm sau:

Một là, khả năng tiếp cận xã hội của người tiêu dùng Việt Nam đối với một số sản phẩm và dịch vụ có thể bị hạn chế, việc thực hiện một số chính sách xã hội có thể bị ảnh hưởng nếu không có biện pháp cân bằng thích hợp. Hiện nay, hầu hết các Bằng sáng chế ở Việt Nam đều nằm trong tay chủ thể nước ngoài, trong khi số đối tượng sở hữu trí tuệ của Việt Nam được đăng ký ra nước ngoài lại không đáng kể

Hai là, các doanh nghiệp và các nhà đầu tư của Việt Nam phải tập làm quen và hoạt động trong một môi trường pháp lý phức tạp, bắt buộc họ chi phí cho việc sử dụng cơ chế bảo hộ quyền SHTT.

3.3. Những đề xuất nhằm tăng cường hoàn thiện hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam

Một số đề xuất sau đây có ý nghĩa tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách và xây dựng pháp luật nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống thực thi quyền SHTT ở Việt Nam:

Thứ nhất: Nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật về sở hữu trí tuệ. Cụ thể theo các hướng sau:

* Phải xây dựng những quy phạm thật thống nhất, đồng bộ, đầy đủ, rõ ràng và minh bạch. Cần quy định cụ thể những ai có quyền ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền chuyển nhượng, quyền chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng thuộc quyền SHTT; ai là người có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn và xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm đến quyền SHTT; cơ quan công quyền nào có quyền xử phạt vi phạm hành chính, mức phạt tối thiểu và tối đa là bao nhiêu.

* Xây dựng các quy phạm thực thi quyền SHTT một cách đồng bộ, tránh tình trạng tản mạn, manh mún trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, để giữ được tính chất nhất thể hoá của các quy phạm pháp luật về lĩnh vực này. Cần ban hành các quy phạm về thực thi theo hướng *nâng cao vai trò của Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền SHTT theo thủ tục tố tụng dân sự* như xác định rõ thẩm quyền của Tòa án; bổ sung những quy định chi tiết về các chế tài đủ mạnh để chống lại các hành vi xâm phạm quyền SHTT; xây dựng những yêu cầu về việc xác định và bảo vệ các thông tin bí mật của các bên tham gia tố tụng; hướng dẫn chi tiết về vấn đề bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần gây ra do các hành vi xâm phạm; quy định các biện pháp cụ thể về các biện pháp khẩn cấp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác xét xử các tranh chấp về quyền SHTT.

Thứ hai: Hoàn thiện và tăng cường năng lực cho cán bộ, cơ quan thực thi:

* Tăng cường năng lực của cơ quan xét xử để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự các vụ án xâm phạm quyền SHTT.

* Tăng cường và nâng cao chất lượng cán bộ, đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống vi phạm và tội phạm xâm phạm SHTT, đồng thời tăng cường phối hợp giữa các lực lượng trong hoạt động phòng ngừa và đấu tranh đối với những hành vi trong lĩnh vực SHTT.

Thứ ba: Tăng cường hoạt động hỗ trợ cho công tác thực thi quyền sở hữu công nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng các rào cản kỹ thuật và áp dụng các biện pháp công nghệ nhằm ngăn chặn hành vi xâm phạm, ... Hỗ trợ cho doanh nghiệp trong việc đầu tư tài chính và nhân lực cho bộ phận tổ chức sở hữu công nghiệp của doanh nghiệp để tự mình chống các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Thứ tư: Khuyến khích việc phát triển và thành lập các tổ chức trong lĩnh vực tư như các tổ chức xã hội, các hiệp hội đoàn thể chuyên về từng lĩnh vực của SHTT và các tổ chức đại diện cho các tác giả và người sáng tạo. Tiếp tục hỗ trợ mô hình "*Trung tâm bảo vệ bản quyền âm nhạc*" về tổ chức, phương thức, thậm chí phương tiện để trung tâm đó trở thành mô hình mẫu cho các loại hình nghệ thuật khác.

Thứ năm: Tăng cường chất lượng của mạng lưới thông tin về SHTT với sự trợ giúp của khoa học kỹ thuật. Việc tăng cường sử dụng công nghệ hiện đại cho các cơ quan thực thi của Việt Nam sẽ đáp ứng một cách nhanh chóng các yêu cầu này.

Thứ sáu: Nâng cao khả năng nhận thức của xã hội đối với các quyền SHTT cũng là một giải pháp thiết thực nhằm giúp cho quá trình thực thi quyền SHTT ngày càng hiệu quả.

Thứ bảy: Việt Nam cần tăng cường hợp tác quốc tế, tiếp thu một cách có chọn lọc kinh nghiệm của các nước về bảo hộ quyền SHTT, bảo đảm thực thi có hiệu quả các quy định của các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

KẾT LUẬN

Vai trò của SHTT trong đời sống kinh tế xã hội đã không còn là vấn đề hết sức quan trọng của Việt Nam mà còn của cả thế giới. Việt Nam coi bảo hộ SHTT như một nhân tố quan trọng của chính sách cải cách, mở cửa và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Sự ổn định và hoàn thiện của hệ thống pháp luật về SHTT có vai trò quan trọng trong việc tạo lập nền tảng pháp lý chung nhằm thu hút, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư nước ngoài, các chủ thể kinh doanh tại Việt Nam, đồng thời là cầu nối tăng cường thiện chí hợp tác, tạo sự tin cậy lẫn nhau giữa Việt Nam và quốc tế.

Cho đến nay, có thể nói hệ thống pháp luật bảo hộ quyền SHTT của Việt Nam nhìn chung là tương đối đầy đủ, bao quát các vấn đề cơ bản của quyền sở hữu trí tuệ như xác định phạm vi đối tượng bảo hộ; trình tự thủ tục đăng ký xác lập quyền, nội dung quyền SHTT; bảo hộ các quyền của người nắm giữ quyền SHTT, giải quyết khiếu nại, khiếu kiện; áp dụng các biện pháp ngăn chặn, giải quyết các vấn đề về cạnh tranh không lành mạnh. Như vậy, pháp luật bảo hộ quyền SHTT của Việt Nam đã tiếp cận các chuẩn mực bảo hộ của các điều ước quốc tế, đáp ứng các quy chuẩn tối thiểu của TRIPS với mục đích là: “*Giảm bớt những chênh lệch và trở ngại trong hoạt động thương mại quốc tế, lưu ý tới sự cần thiết phải thúc đẩy việc bảo hộ một cách có hiệu quả và toàn diện các quyền SHTT và thủ tục thực thi các quyền SHTT không trở thành rào cản đối với hoạt động thương mại hợp pháp*”. Tuy nhiên việc thực thi pháp luật bảo hộ quyền SHTT của Việt Nam vẫn còn có nhiều bất cập, hiệu lực và hiệu quả còn thấp. Do vậy việc nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện cả hệ thống pháp luật và cả cơ chế thực thi pháp luật về SHTT là rất cần thiết và có tính thời sự, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế hiện nay.

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Bá Diễn

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
hợp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Vào hồi giờ ngàythángnăm 2006.

Có thể tìm hiểu luận văn tại Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội.

